TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L ập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST
Ngày 05–12 - 2017
V/v: L y hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà L ê Thị Sinh Chi.
2. Bà Phạm Thị Thu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Bùi Quang Dương.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L ý số 132/2017/T L ST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 về L y hôn và nuôi con khi L y hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 11năm 2017giữa các đương sự:

Nguyên đơn:Anh Ngô Xuân L , sinh ngày 23/02/1977

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số nhà 199, phố H, Tổ 28, phường B, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh 25/11/1985

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 199, phố H, Tổ 28, phường , thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Phòng 01, Tầng 3, Số nhà 199, đường Đ, Tổ 27, phường X thành phố B, tỉnh Thái Bình.

(Anh L có mặt, Chị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin L y hôn ngày 08/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn L à anh Ngô Xuân L trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện

có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2006 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố b, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh L tại số nhà 199, Tổ 28, phường B, thành phố B, đến năm 2012 thì chuyển ra ngoài thuê nhà ở. Năm 2015 giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn L à do chị H không biết cách cư xử với gia đình nhà chồng, có thái độ coi thường gia đình nhà anh. Quá trình xảy ra mâu thuẫn anh cũng đã cho chị H nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng chị H không thay đổi L àm ảnh hưởng đến tình cảm gia đình. Đến khoảng tháng 9 năm 2016 anh và chị H sống L y thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa anh và chị H cả hai bên gia đình đều biết và cũng đã khuyên giải nhiều L ần nhưng vẫn không giải quyết được. Nay anh nhận thấy đã hết tình cảm với chị H , cuộc sống hôn nhân của anh và chị H khó còn khả năng đoàn tụ nên anh L àm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được L y hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị H có ba con chung L à Ngô Khánh V, sinh ngày 21/3/2008; Ngô Đức D, sinh ngày 06/6/2011; Ngô Đức T, sinh ngày 08/11/2014. Hiện ba con L úc ở với anh, L úc ở với chị H . L y hôn anh có nguyện vọng nuôi cả ba con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, trường hợp chị H muốn nuôi con và nuôi con nào anh cũng đồng ý. Nếu anh và chị H cùng nuôi con thì hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Quá trình chung sống anh và chị H không có tài sản chung, không cho ai vay nợ chung và không nợ ai chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn L à chị Nguyễn Thị H trình bày: Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn giữa chị và anh L thống nhất nhưanh L đã trình bày.

Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng, theo chị, L à do anh L chơi bời cờ bạc, ngoài ra còn có quan hệ với người phụ nữ khác nên về nhà có đánh chị, chị cũng đã bỏ qua cho anh L nhiều L ần nhưng anh L không thay đổi. Nay anh L xin L y hôn, chị xác định tình cảm của chị với anh L đã hết nên chị đồng ý L y hôn.

Về con chung: Chị và anh L có ba con chungnhư anh L trình bày L à đúng. Chị có nguyện vọng được nuôi con Ngô Đức Tiến, để anh L nuôi hai con Ngô Khánh Vân và Ngô Đức Dũng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Chị và anh L không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ông Ngô Xuân Khanh, bố đẻ anh Ngô Xuân L cho biết: Anh L ừng và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường Kỳ Bá ngày 01/11/2006. Sau khi kết hôn anh L ừng, chị H ở cùng gia đình ông. Đến năm 2012 vợ chồng anh L chị H tự ý bỏ ra ngoài thuê nhà, Cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn L à do kinh tế vợ chồng có khó khăn trong khi phải nuôi ba con còn nhỏ nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 9 năm 2016 anh L chị H sống L y thân mỗi người một nơi. Nay anh L L àm đơn xin L y hôn, về phía gia đình, ông thấy vợ chồng anh L chị H khó có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp L uật.

Về con chung: Ông Khanh trình bày thống nhất như anh L ừng. Nếu anh L chị H ly hôn, ông đề nghị giải quyết cho anh L nuôi cả ba con vì anh L có chỗ ở ổn định, chị H còn phải đi thuê nhà. Trường hợp chị H có nguyện vọng nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp L uật và nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản: Anh L chị H không có tài sản gì chung, việc anh L, chị H có cho ai vay nợ hay có nợ ai hay không ông không nắm được, do vậy ông không có đề nghị gì.

Kết quả xác minh tại tổ dân phố số 28, phường B thể hiện: Anh Ngô Xuân L và chị Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 28, phường B, thành phố B, anh chị kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố b, tỉnh Thái Bình. Ban đầu anh L chị H sống cùng bố mẹ anh L tại Tổ 28, phường B sau chuyển ra ngoài sinh sống. Đến tháng 9/2016 anh L cùng ba con về sinh sống cùng bố mẹ, còn chị H không thấy về sống cùng. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L chị H địa phương có nắm bắt được, nguyên nhân mâu thuẫn L à do kinh tế vợ chồng khó khăn.

Về con chung: Anh L và chị H có ba con chung như anh L trình bày. Nếu anh L, chị H L y hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh L, chị H và nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung: Địa phương không nắm được anh L chị H có những tài sản gì chung, có nợ ai và có cho ai vay nợ không nên không có đề nghị gì.

Kết quả xác minh nơi cư trú của chị Nguyễn Thị H tại số nhà 199, đường Đ, Tổ 27, phường X, thành phố B và Công an phường X thành phố B thể hiện: Chị H hiện cư trú và có đăng ký tạm trú tại số nhà 199, Phố Đ, Tổ 27, phường X, thành phố B.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

đã tuân theo các quy định của pháp Luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng có ý kiến trình bày trong Biên bản ghi lời khai do Tòa án thu thập và có đơn xin không hòa giải và xin xét xử vắng mặt bằng văn bản gửi Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Xuân L và chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Áp dụng Điều,81, 82, 83, 84 L uật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Giao con chung là Ngô Khánh V, sinh ngày 21/3/2008 và con Ngô Đức D, sinh ngày 06/6/2011 cho anh Ngô Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Ngô Đức T, sinh ngày 08/11/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản: Do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, áp dụng Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, anh L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh L uận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là chị Nguyễn Thị H không có mặt mà chỉ trình bày ý kiến để Tòa án ghi lời khai, thể hiện quan điểm đối với việc anh L làm đơn xin ly hôn chị, đồng thời chị có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt chị, anh Ngô Xuân L cũng có đơn xin không hòa giải. Vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 4 Điều 207 không tiến hành hòa giải đối với vụ án này và căn cứ vào khoản 1 Điều227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự quyết định xét xử trong trường hợp có mặt nguyên đơn và vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung: Anh Ngô Xuân L và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2006 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố b, tỉnh Thái Bình L à hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế gia đình, về phía chị H lại không khéo léo trong cư xử với gia đình nhà chồng, về phía anh L cũng có chơi bời và có mối quan hệ bên ngoài với người phụ nữ

khác. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh L và chị H là có thật và đã kéo dài, ở mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Ngô Xuân L được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về quan hệ con chung: Anh L và chị H có ba con chung là Ngô Khánh V, sinh ngày 21/3/2008; Ngô Đức D, sinh ngày 06/6/2011; Ngô Đức T, sinh ngày 08/11/2014. Xét điều kiện thực tế của anh L , chị H về nơi ở, về công việc, trên cơ sở nguyện vọng của anh L, chị H và của cháu V. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu cũng như của các bên đương sự, cần giao con chung là Ngô Khánh V, sinh ngày 21/3/2008 và Ngô Đức D, sinh ngày 06/6/2011cho anh Ngô Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Ngô Đức T, sinh ngày 08/11/2014 còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn nên giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về quan hệ tài sản: Anh L, chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Ngô Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các l ẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, Điều 227, Điều 228, 235, 271, 273 của Bộ L uật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 L uật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ngô Xuân L ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Ngô Khánh V, sinh ngày 21/3/2008 và Ngô Đức D, sinh ngày 06/6/2011 cho anh Ngô Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con Ngô Đức T, sinh ngày 08/11/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Anh L , chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Anh L , chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Ngô Xuân L , chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Ngô Xuân L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh L đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Thái Bình, biên lai thu số 0006638 ngày 29 tháng 8 năm 2017 sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Ngô Xuân L có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị H, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 L uật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP B;*
- *Chi cục THADS TP B;*
- *UBND phường B, TP B;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**